

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 22/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: bà Nguyễn Lê C, sinh năm 1994. Trú tại: số 560/11A Trưng Nữ Vương, quận HC, TP. Đà Nẵng và ông Trần Đức H, sinh năm 1988, trú tại: số 18 Phạm Tu, phường AHB, quận S, TP. Đà Nẵng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Lê C và ông Trần Đức H kết hôn năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường AHB, quận S, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn như: thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, không hoà hợp, từ năm 2020 vợ chồng đã không còn sống chung với nhau nên yêu cầu Tòa án cho được thuận tình li hôn với nhau.

Xét thấy, bà Nguyễn Lê C và ông Trần Đức H đã thật tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật HNGĐ công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: bà Nguyễn Lê C và ông Trần Đức H xác định có 01 con chung là Trần Ánh D, sinh ngày 10.04.2020. Hai bên thống nhất thỏa thuận: Bà Nguyễn Lê C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Ông Trần Đức H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự đảm bảo quyền lợi của con chung, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật HNGĐ nên chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: bà Nguyễn Lê C và ông Trần Đức H khai nhận không có.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự đảm bảo quyền lợi của con chung, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật HNGĐ nên chấp nhận.

[4] Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) Bà Nguyễn Lê C và ông Trần Đức H chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, (ngày 07.3.2023) không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Lê C và Ông Trần Đức H thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 29 của UBND phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng cấp ngày 28.02.2019 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Lê C và Ông Trần Đức H khai nhận có 01 con chung là Trần Ánh D, sinh ngày 10.04.2020. Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

Bà Nguyễn Lê C trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là Trần Ánh D, sinh ngày 10.04.2020. Ông Trần Đức H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*). Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 01.2023 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng như đã thỏa thuận nêu trên thì còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Lê C và Ông Trần Đức H xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng y*) Bà Nguyễn Lê C và ông Trần Đức H phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số **0003524** ngày 20.02.2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng. Bà C và Ông H đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND p An Hải Bắc, Q Sơn Trà, TPĐN;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Phạm Thanh Thủy

